

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là *Nghị quyết số 57-NQ/TW*), Công văn số 01-CV/BCĐTW, ngày 25/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương tổ chức quán triệt sâu sắc, toàn diện các nội dung và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Bảo đảm toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị trong tỉnh nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất, là động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư “về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng” (sau đây gọi là *Quyết định số 204-QĐ/TW*); Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là *Nghị quyết số 193/2025/QH15*), Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ “về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị” (sau đây gọi là *Nghị quyết số 71/NQ-CP*) gắn với thực hiện Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ “về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 28/04/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030”; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 435-KH/TU ngày 10/7/2024 về triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị thành các mục tiêu, chỉ tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án, dự án, nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của tỉnh.

1.2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao: Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân có nhận thức đúng đắn, đồng hành triển khai. Người đứng đầu phải tiên phong, gương mẫu, trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện; khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ, chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức và cá nhân, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

1.3. Phát huy mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh của tỉnh: Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kinh tế số dựa trên lợi thế của tỉnh: du lịch - dịch vụ, công nghiệp chế biến chế tạo, kinh tế hàng không tăng thấp, kinh tế di sản, kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biên mậu, kinh tế đêm, logistic, năng lượng sạch, nông nghiệp công nghệ cao...; thúc đẩy các đột phá, động lực trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ...

1.4. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo: Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung,... phù hợp với thực tiễn Quảng Ninh.

1.5. Góp phần vào phát triển bền vững, hiện đại hóa đất nước: Thực hiện tốt Kế hoạch hành động để Quảng Ninh có đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

2. Yêu cầu

2.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương và Kế hoạch hành động này trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2.2. Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Kế thừa có chọn lọc các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai (về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số...). Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố quyết định phát triển của tỉnh; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để đưa tỉnh Quảng Ninh phát triển giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2.3. Xác định thể chế, cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu, phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế

của địa phương, đơn vị trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

2.4. Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.5. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện, nêu cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

2.6. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể; có cơ chế, công cụ đo lường giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của tỉnh.

2.7. Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở, ban, ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp.

2.8. Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát bằng những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với lộ trình phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm đáp ứng được mục tiêu đề ra; báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ; phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ; can thiệp bằng các chính sách (trong thẩm quyền) để đưa ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

2.9. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư,...); sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

2.10. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài: Vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công,...) vừa có tầm nhìn dài hạn (đến 2030, 2035, 2040, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cần gắn Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với Chiến lược dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ,

phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể của tỉnh.

2.11. Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

2.12. Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới. Mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào. Xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể, gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs), phân công trách nhiệm, xác định thời hạn thực hiện.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa tỉnh Quảng Ninh phát triển tăng tốc, bứt phá, bền vững, giàu mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

1.2. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

1.3. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng các cơ chế, chính sách bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

1.4. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trên cơ sở xác định lĩnh vực then chốt, nội dung trọng tâm, trọng điểm thiết thực nhằm thúc đẩy phát

triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; tập trung ưu tiên các ngành, lĩnh vực: du lịch - dịch vụ, công nghiệp chế biến chế tạo, kinh tế hàng không tầng thấp, kinh tế di sản, kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biên mậu, kinh tế đêm, logistic, năng lượng sạch, nông nghiệp công nghệ cao...; chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số; y tế, giáo dục và đào tạo, quản lý đô thị, giao thông, bảo vệ tài nguyên và môi trường, an ninh trật tự...

1.5. Bảo đảm an ninh quốc gia, an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức, không để lộ lọt thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước là yêu cầu xuyên suốt, then chốt để đột phá đồng thời là phần không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Quảng Ninh thuộc nhóm các địa phương đi đầu cả nước về ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt mức tiên tiến ở một số lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của doanh nghiệp và ở một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ khu vực, quốc gia, quốc tế; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế, góp phần xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh giàu mạnh, văn minh, hiện đại, hạnh phúc; phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế địa phương thông qua đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GRDP của tỉnh.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo, đẩy mạnh đào tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số; chỉ đạo, điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số theo hướng lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, đảm bảo tính minh bạch, thuận lợi và giảm thiểu chi phí giao dịch cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Phát triển hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, tốc độ cao; từng bước ứng dụng, khai thác hiệu quả các công nghệ chiến lược, công nghệ số như:

Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, thông tin di động 5G, 6G, hàng không tầng thấp và một số công nghệ mới nổi.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2.2. Mục tiêu cụ thể: *Theo Phụ lục đính kèm.*

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh khi cần thiết (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo cấp tỉnh), đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng ban, Văn phòng Tỉnh ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; kiện toàn Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Tập trung ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ban, ngành, địa phương; định kỳ đánh giá và điều chỉnh Kế hoạch hành động khi cần thiết, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các chỉ đạo mới của Trung ương.

- Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 30-NQ/TW, Quyết định số 80/QĐ-TTg, Nghị quyết số 13-NQ/TU, Nghị quyết số 09-NQ/TU và Kế hoạch số 435-KH/TU vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các ngành, địa phương, đơn vị.

- Kiện toàn Hội đồng tư vấn cấp tỉnh khi cần thiết, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia Hội đồng tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh kịp thời, hiệu quả.

- Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các sở, ban, ngành, địa phương; giao trách nhiệm gắn với lộ trình cụ thể thực hiện với từng mục tiêu, nhiệm vụ.

2. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và quyết tâm chính trị mạnh mẽ; thông tin, truyền thông sâu rộng nhằm tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt, triển khai sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực hiện Quyết định số 204-QĐ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 28/04/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết số 09-NQ/TU

ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 435-KH/TU ngày 10/7/2024 “về triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị “về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện.

Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn (năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045); phân công đơn vị chủ trì, phối hợp cho từng nhiệm vụ; giao các đơn vị chủ trì chủ động tham mưu bố trí các nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất,...). Ban hành Chương trình khung và danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030 mang tính chiến lược, dài hạn, giải quyết các vấn đề lớn, trọng điểm của tỉnh, làm căn cứ xây dựng, triển khai dự án trọng điểm cho các lĩnh vực có tiềm năng để thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung ưu tiên phát triển, góp phần nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở các lĩnh vực; chú trọng phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, nhất là hạ tầng số, chuyển đổi số, đô thị thông minh; nâng cao năng lực nghiên cứu cho các tổ chức khoa học và công nghệ.

2.2. *Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.* Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, 5 năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực tổng hợp thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu có trọng tâm, trọng điểm. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức cơ sở đảng hằng năm. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phân đấu mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí 01 cán bộ chuyên trách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phân đấu cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, công nghệ trong cấp uỷ các cấp khoảng **5%** theo Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị.

- Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số: Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

2.3. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin các sở, ban, ngành để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng truyền thông về các điển hình tiên tiến, các mô hình thành công trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo động lực và lan tỏa trong cộng đồng.

- Xây dựng chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo in, phát thanh, truyền hình, cổng thông tin điện tử và các hạ tầng truyền thông của tỉnh để tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Xây dựng các chương trình truyền thông đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa miền núi, biên giới, hải đảo bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận thông tin thuận lợi. Có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh và các cơ quan truyền thông trung ương để tăng cường hiệu quả truyền thông.

- Triển khai sâu rộng phong trào “bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn; các cuộc thi khoa học kỹ thuật trong hệ thống giáo dục phổ thông, các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động; các cuộc thi khoa học kỹ thuật trong hệ thống giáo dục phổ thông, các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện và vận động nhân dân tích cực tham gia công cuộc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của địa phương hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số; tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Xây dựng chiến lược, kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất. Phấn đấu đến năm 2030, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%.

3.3. Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

3.4. Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox). Khi có quy định của Trung ương sẽ tiến hành thí điểm chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; có cơ chế miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

3.5. Phát triển, vận hành hiệu quả quỹ phát triển khoa học - công nghệ; nghiên cứu, xây dựng quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện); khuyến khích thành lập các doanh nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định gắn với trách nhiệm giải trình và từng bước thực hiện phương thức Nhà

nước đặt hàng, đấu thầu và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng; khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, khởi nghiệp sáng tạo. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

3.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính; rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, số hóa toàn diện, giảm thời gian xử lý hồ sơ; cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới theo hướng nâng cao trải nghiệm người dùng, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường và các doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu quốc gia, khu vực.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực bao gồm ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Ninh, nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí thông qua các chỉ số KPI cụ thể (tỷ lệ hoàn thành dự án, mức độ ứng dụng kết quả nghiên cứu, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế số...); tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phương châm *“lấy đầu tư công làm vốn môi, dẫn dắt, kích hoạt đầu tư ngoài xã hội”*, nhất là trong các lĩnh vực ưu tiên, có thế mạnh của tỉnh; chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý, điều hành, phát triển kinh tế số, xã hội số, các lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch, giao thông, nông nghiệp, môi trường, quản lý đô thị,... Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra.

3.9. Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày

07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.

3.10. Thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xã hội hoá, nguồn đầu tư của doanh nghiệp để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng số, dịch vụ số

4.1. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng, gắn liền với triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.2. Triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ninh (IOC) phục vụ chuyển đổi số toàn diện với các chức năng tích hợp: Phân tích dữ liệu thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định bằng AI, giám sát giao thông, môi trường, dịch vụ công... hướng tới hình thành “bộ não số” của tỉnh.

4.3. Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông, thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương.

4.4. Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G và các thế hệ tiếp theo, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo; nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện; hợp tác, triển khai thử nghiệm sóng vệ tinh quỹ đạo tầm thấp nếu đủ điều kiện, hướng tới phủ sóng internet vệ tinh trên địa bàn toàn tỉnh.

4.5. Đảm bảo vận hành các trung tâm dữ liệu của tỉnh hoạt động ổn định, an toàn thông tin mạng, sẵn sàng kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao. Rà soát, bổ sung, công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

4.6. Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

4.7. Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Xây dựng chiến lược hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh

- Xây dựng và nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu. Xây dựng trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đảm bảo có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực hỗ trợ.

- Nâng cao năng lực, chất lượng hệ thống thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chuyển đổi số. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm cập nhật kịp thời, thường xuyên, liên tục; tăng cường liên kết hiệu quả với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tập trung nguồn lực, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin nằm trong danh mục các Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng một số Trung tâm khám phá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các Khu nông nghiệp, Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu trình diễn, giới thiệu, mô hình, thực nghiệm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, lưu trữ nguồn gen phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ. Tăng cường liên kết, phối hợp giữa khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với khu công nghệ thông tin tập trung và với các vườn ươm, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành trong và ngoài tỉnh, cũng như gắn kết với phát triển hạ tầng, hệ sinh thái sống. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động các phòng thí nghiệm, kiểm định của tỉnh đáp ứng nhu cầu kiểm định, kiểm nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, môi trường của người dân, doanh nghiệp và phục vụ công tác quản lý nhà nước. Phấn đấu hình thành 1-2 khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

- Xây dựng cộng đồng khởi nghiệp thúc đẩy kinh tế chia sẻ thông qua việc sử dụng các nền tảng số, thành lập các vườn ươm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, trong đó, các doanh nghiệp phải có sự chuẩn bị về nguồn cung, đào tạo nhân lực và xây dựng niềm tin, khí thế mới trong xã hội.

5.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn...

- Khuyến khích phát triển các tổ chức khoa học, các doanh nghiệp khoa học, doanh nghiệp FDI tham gia đầu tư nâng cao tiềm lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là công nghệ cao, kinh tế số lõi.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư

lớn, có thương hiệu, thu hút FDI thế hệ mới từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành, lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã thành lập.

- Tiếp tục thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, đổi mới công nghệ trong sản xuất và quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh; tiếp thu, làm chủ, chuyển giao, ứng dụng rộng rãi công nghệ tiên tiến của thế giới, đặc biệt là công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ nền tảng, công nghệ lõi.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Triển khai xây dựng đề án phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng dần tỷ trọng nguồn cung công nghệ, thiết bị trong nước; đẩy mạnh các hoạt động trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, vườn ươm sáng tạo; hình thành các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ làm nhiệm vụ giới thiệu, cung cấp dịch vụ, công nghệ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cổ vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

- Xây dựng dữ liệu chuyên gia, thiết lập kênh kết nối giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo để đẩy mạnh liên kết nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp.

5.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu

- Khuyến khích các cơ sở đào tạo nghề, cao đẳng và đại học trên địa bàn tỉnh đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, khuyến khích giảng viên, sinh viên tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ; bảo vệ tài sản trí tuệ, đặc biệt là các sáng chế, giải pháp hữu ích, và nhãn hiệu sản phẩm gắn với địa danh Quảng Ninh.

6. Triển khai các chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao

- Rà soát, xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030, định hướng đến 2045. Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực, trong đó ưu tiên các ngành: dịch vụ, du lịch, thương mại, sản xuất, chế biến, chế tạo, logistic, công nghệ thông tin,...; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Nghiên cứu hoàn thiện các chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, giữ chân, đào tạo, đào tạo lại cán bộ khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên, có thể mạnh của tỉnh; chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia cao cấp trong nước và nước ngoài, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao, sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ về làm việc, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh (chính sách về tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc,...); chính sách ưu đãi đối với cán bộ công nghệ thông tin công tác tại các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

- Tập trung nguồn lực xây dựng phát triển Trường Đại học Hạ Long theo mô hình đô thị đại học, Trường cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh trở thành hạt nhân, nòng cốt và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực của vùng, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh, của vùng và khu vực, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường đào tạo kiến thức về khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ, rèn luyện năng lực thiết kế sáng tạo gắn với các dự án thực tế trong trường phổ thông; tăng cường định hướng nghề nghiệp và tư vấn theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông để chủ động, chuẩn bị trước một bước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tương lai.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực quản trị công nghệ, quản lý doanh nghiệp, chuyển đổi số, thu hút nhân lực nghiên cứu và phát triển.

- Xây dựng chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính cho các sinh viên xuất sắc theo học các ngành nghề mà địa phương có nhu cầu, đặt hàng đào tạo cán bộ.

6.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng, thực hiện chương trình bồi dưỡng kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số, trí tuệ nhân tạo...) cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập...

6.3. Chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ

phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề.

6.4. Chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo.

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp. Ưu tiên cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ.

- Nghiên cứu, hợp tác với các cơ sở đào tạo nhân lực về công nghệ tiên tiến, chip bán dẫn, vi mạch, trí tuệ nhân tạo để phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu. Đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài, đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

6.5. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

6.6. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ninh kết nối tối thiểu 50 chuyên gia trong và ngoài nước, hiệp hội tri thức người địa phương ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ địa phương.

7. Triển khai chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số cấp tỉnh

7.1. Chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Triển khai các nền tảng số dùng chung; số hóa và xây dựng các bản sao số, các

cơ sở dữ liệu số dùng chung; xác định dữ liệu số là nguồn lực chiến lược, được kết nối, chia sẻ, khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả để thúc đẩy kinh tế số, chính quyền số, và xã hội số, đảm bảo an toàn, minh bạch, và bảo vệ quyền riêng tư.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Tập huấn sử dụng có hiệu quả các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư. Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa tỉnh với Trung ương.

- Nghiên cứu, triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; đồng thời nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Phát triển hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ninh (IOC), kết nối đến cấp xã.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics, giáo dục - y tế, đô thị, đất đai, xây dựng, môi trường,... tích hợp, liên thông với cung dịch vụ công để giải quyết các nhu cầu, cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân.

- Phát triển thanh toán số, giao dịch điện tử tạo động lực thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

7.3. Triển khai chiến lược 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...) nâng cao năng lực cạnh tranh. Ứng dụng các nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu. Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT. Blockchain trong nông nghiệp, chế biến chế tạo, logistic... nâng cao uy tín thương hiệu Quảng Ninh trên thị trường quốc tế.

- Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh tại Tuần Châu (Hạ Long ICT Park) theo mô hình Trung tâm đổi mới sáng tạo (Innovation Hub), tập trung vào nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Phát triển sản thương mại điện tử của tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế, kết nối với nền tảng quốc gia.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam. Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ hàng không tầng thấp (drone, phương tiện bay không người lái...) trong các lĩnh vực như dịch vụ, logistics, giám sát môi trường và du lịch; thí điểm triển khai các dịch vụ hàng không tầng thấp tại các khu vực trọng điểm, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp công nghệ hàng không trong và ngoài nước.

- Triển khai số hóa các di sản văn hóa, lịch sử, và thiên nhiên của Quảng Ninh (Vịnh Hạ Long, Yên Tử, di tích lịch sử) để phát triển du lịch thông minh và kinh tế di sản. Xây dựng các nền tảng số, ứng dụng thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để nâng cao trải nghiệm du lịch, kết hợp với doanh nghiệp công nghệ và tổ chức quốc tế để quảng bá thương hiệu di sản Quảng Ninh trên các nền tảng số toàn cầu.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền biển đảo, biên giới trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu. Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

- Nâng cấp Trung tâm An ninh mạng cấp tỉnh. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố. Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng. Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Xây dựng, sửa đổi, điều chỉnh, áp dụng các quy định, chính sách và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tăng cường hợp tác về an toàn, an ninh mạng. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi thành phần trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

8.4. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về an ninh mạng cho cán bộ, doanh nghiệp, người dân.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp trong và ngoài nước.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp khoa học công nghệ quốc tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác quốc tế về ứng dụng công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, triển khai các dự án cụ thể với các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương nước ngoài phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể.

- Mở rộng, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và thu hút FDI công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, xác định một số đối tác quốc tế chiến lược gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc đại lục), Nga... và ưu tiên các lĩnh vực: dịch vụ, du lịch, thương mại, sản xuất, chế biến, chế tạo, logistic, điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp văn hóa; dịch vụ du lịch; công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số; công nghệ sản xuất năng lượng tái tạo; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; công nghệ nuôi biển; ...

- Tạo điều kiện tối đa cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

10. Giám sát, đánh giá

10.1. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

10.2. Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí: tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc quán triệt, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động, định kỳ nghe Ban Chỉ đạo cấp tỉnh báo cáo về tiến độ, kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc. Chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch hành động.

- Chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo (Văn phòng Tỉnh ủy) để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

2. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động này; ban hành các chiến lược, đơn đốc, phối hợp các cơ quan Trung ương, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Kịp thời đề xuất, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; tổ chức kiểm điểm tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm hoặc đột xuất tại các cấp ủy, tổ chức đảng, các sở, ban, ngành, địa phương; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu. Biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo.

3. Các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Kế hoạch hành động này phù hợp với đặc thù địa phương, đơn vị.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đề ra và tổ chức thực hiện hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định về tiến độ, tình hình triển khai, các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Định kỳ hằng tháng (2 lần/tháng theo yêu cầu), 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới. Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

4.1. Văn phòng Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh:

- Giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo; đầu mối tham mưu triển khai Quyết định số 204-QĐ/TW (*thực hiện thường xuyên*).

- Phối hợp các cơ quan giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo. Phối hợp các cơ quan liên quan đề xuất với Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo những chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt (*thực hiện thường xuyên*).

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn đến năm 2045, trình Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (**Xong trong năm 2026**).

- Tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu (**Xong trong năm 2026**).

4.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp (**thực hiện hằng năm**).

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số (**trong năm 2025 và các năm tiếp theo**).

- Tham mưu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp; thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao (**thực hiện hằng năm**).

- Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW vào tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý, tổ chức đảng và đảng viên hằng năm (**thực hiện hằng năm**).

4.3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy:

- Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để tham mưu quán triệt, triển khai, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Kế hoạch hành động này và các văn bản của Trung ương, của tỉnh có liên quan; hướng dẫn công tác tuyên truyền trên báo chí, mạng xã hội (**thực hiện thường xuyên**).

- Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng (**Phần III, mục 2, tiểu mục 2.3 Kế hoạch này, thực hiện thường xuyên**). Chủ trì xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để phổ biến rộng rãi trong toàn Đảng bộ và tham mưu ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số (**xong trong năm 2025**). Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chia sẻ, trao đổi trong đội ngũ cán bộ chủ chốt toàn tỉnh, cấp ủy viên cấp tỉnh (**thường xuyên năm 02 lần/năm**).

4.4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức thực hiện có kết quả Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW, ngày 04/4/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Kế hoạch hành động này, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm đối với những trường hợp trì trệ trong thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ và

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua hàng năm với tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu các cấp, báo cáo Ban Thường vụ và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (**thực hiện theo chương trình**); tham mưu triển khai hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp tại **Phần III, mục 10, tiểu mục 10.1** Kế hoạch này (**thực hiện hằng năm**).

4.5. Ban Nội chính Tỉnh ủy: Theo dõi, nắm tình hình và tham mưu giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai Kế hoạch; triển khai các chương trình, dự án khoa học, công nghệ (**thực hiện thường xuyên**).

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Kế hoạch hành động này để chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện, trong đó, phải đề xuất cụ thể danh mục các nhiệm vụ, dự án trọng điểm, cốt lõi và dự kiến nguồn kinh phí để cân đối nguồn lực tổ chức thực hiện bảo đảm thực chất, khả thi, hiệu quả; đầu mối chủ trì triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 193/2025/QH15; đưa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 05 năm, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh; gắn việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động với thực hiện Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ “về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 28/04/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030” và Kế hoạch số 435-KH/TU ngày 10/7/2024 về triển khai thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Chỉ đạo tham mưu xây dựng các chương trình, đề án, dự án triển khai cụ thể về các nhiệm vụ:

+ **Tại Phần III, mục 3:** *Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển:* Tiểu mục 3.1 (**thực hiện thường xuyên**); Tiểu mục 3.2 (**xong trong năm 2025**); Tiểu mục 3.3. (**xong trong quý II/2025**); Tiểu mục 3.4. (**xong trong năm 2026**); Tiểu mục 3.5 (**xong trong năm 2026**); Tiểu mục 3.6, 3.7, 3.8, 3.9 (**xong trong năm 2025**); Tiểu mục 3.10 (**xong trong năm 2026**).

+ **Tại Phần III, mục 4:** *Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng số, dịch vụ số:* Tiểu mục 4.1 (**xong trong năm 2026**); Tiểu mục 4.2 (**xong trong năm 2026**); Tiểu mục 4.3 (**xong trong năm 2027**); Tiểu mục 4.4 (**xong trong năm 2030**); Tiểu mục 4.5 (**thực hiện thường xuyên và theo lộ trình thực hiện các chỉ tiêu**);

Tiêu mục 4.6, 4.7 (theo lộ trình thực hiện các chỉ tiêu);

+ Tại Phần III, mục 5: *Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển*, Kế hoạch này: (theo lộ trình thực hiện các chỉ tiêu);

+ Tại Phần III, mục 6: *Triển khai các chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao*: Tiêu mục 6.1 (xong trong năm 2026, 2027); Tiêu mục 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6 (xong trong năm 2026 và thực hiện hằng năm).

+ Tại Phần III, mục 7: *Triển khai chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số cấp tỉnh*: Tiêu mục 7.1, 7.2 (xong trong năm 2026 và thực hiện hằng năm); Tiêu mục 7.3 (xong trong năm 2027 và thực hiện hằng năm).

+ Tại Phần III, mục 9: *Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế*, Kế hoạch này: Tiêu mục 9.1, 9.2 (thực hiện hằng năm).

- Chỉ đạo Ủy ban nhân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Xây dựng quy định cụ thể về tiêu chí cán bộ chuyên trách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hoàn thành trong năm 2025.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có cơ chế phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Binh đoàn 19 triển khai thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các đơn vị thành viên trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

6. Đảng ủy Công an tỉnh: Chỉ đạo Công an tỉnh tham mưu giúp Ban chỉ đạo cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Mục III, mục 8: *Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số*, Kế hoạch này: Tại mục tiêu mục 8.1, 8.2, 8.3, 8.4 (thực hiện hằng năm).

7. Đề nghị Đảng ủy Thanh Quảng Ninh, Đảng ủy Binh đoàn 19

Chỉ đạo các đơn vị thành viên trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của tỉnh để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phát triển Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh Quảng Ninh; tham gia thành lập và vận hành các cơ sở nghiên cứu ứng dụng, vườn ươm doanh nghiệp, không gian sáng tạo mở, đồng thời đóng góp nguồn lực vào các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và đầu tư khởi nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội từ tỉnh đến cơ sở

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng và đồng hành trong thực hiện các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động này gắn với việc thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phong trào khởi nghiệp sáng tạo (thực hiện hằng năm).

- Phát động phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện Kế hoạch hành động, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của nhân dân tới cấp ủy, chính quyền các cấp (*thực hiện hằng năm*).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh,... và các đối tượng có liên quan (*thực hiện hằng năm*).

9. Kế hoạch này thay thế Chương trình hành động số 46-CTr/TU ngày 15/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động này, các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; định kỳ hằng tháng (2 lần/1 tháng theo yêu cầu), 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động này gửi về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (thông qua Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ); Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

Kế hoạch hành động này được phổ biến, quán triệt tới chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*để báo cáo*),
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh
- BCĐ cấp tỉnh, Hội đồng tư vấn BCĐ tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các hội quần chúng,
- Liên hiệp các Hội khoa học - Kỹ thuật tỉnh,
- Trung tâm Truyền thông tỉnh, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ,
- Tập đoàn CN Than và Khoáng sản VN,
- Đảng ủy Binh đoàn 19,
- Các trường đại học, trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh,
- VNPT, Viettel chi nhánh Quảng Ninh,
- Tổ giúp việc BCĐ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Vũ Đại Thắng

PHỤ LỤC
CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW
(Kèm theo Kế hoạch hành động số 538-KH/TU ngày 19 tháng 5 năm 2025
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
I	Phát triển hạ tầng					
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn (dân số)	5G (≥ 60%)	5G (100%)	6G (50%)	6G (80%)	6G (100%)
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	≥ 25%	100%	-	-	-
3	Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.	Có	Duy trì/ nâng cấp	Duy trì/ nâng cấp	Duy trì/ nâng cấp	Duy trì/ nâng cấp
II	Phát triển nguồn lực					
4	Tỷ lệ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	≥ 1,0% CNSDP; 2% GRDP	≥ 1,5% CNSDP; 3% GRDP	≥ 2,0% CNSDP; 3% GRDP	≥ 2,5% CNSDP; 3% GRDP	≥ 3,0% CNSDP; 3% GRDP
5	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	≥ 80%	100%	100%	-	-
6	Cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%	-	-	-	-
7	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	100%	-	-
8	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	99%
9	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	7	12	20	33	54
III	Phát triển khoa học, công nghệ					
10	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.	≥ 30	≥ 70	≥ 150	≥ 250	≥ 400
11	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.	≥ 4	≥ 6	≥ 8	≥ 10	≥ 12
12	Công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	≥ 20	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 160

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
13	Số cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh (người)	≥ 300	≥ 600	≥ 1200	≥ 2000	≥ 3000
14	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	≥ 25	≥ 50	≥ 80	≥ 120	≥ 160
15	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	≥ 40%	≥ 60%	≥ 75%	≥ 85%	≥ 95%
16	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) mỗi năm	≥ 10	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150
17	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	≥ 10%	≥ 25%	≥ 40%	≥ 60%	≥ 80%
18	Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm	≥ 20	≥ 30	≥ 50	≥ 70	≥ 100
19	Số công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm	≥ 1	≥ 3	≥ 5	≥ 8	≥ 10
20	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.	Có	Duy trì/ nâng cấp	Duy trì/ nâng cấp; áp dụng một số công nghệ chiến lược	Duy trì/ nâng cấp; Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số	Duy trì/ nâng cấp; Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số
21	Có trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	-	-	-	3-5	-
22	Có trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế	-	-	-	7-10	-
23	Có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu	-	-	-	-	Có
24	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	-	≥ 50%	≥ 52%	≥ 55%	≥ 55%

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo					
25	Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	≥ 40	≥ 50	≥ 70	≥ 100	≥ 150
26	Số dự án khởi nghiệp sáng tạo mỗi năm	-	-	-	50-60	-
27	Số vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.	≥ 3	≥ 5	≥ 12	≥ 18	≥ 25
28	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	≥ 15%	≥ 30%	≥ 50%	≥ 70%	≥ 90%
29	Có trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	-	-	-	15-20	-
30	Có doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghiệp số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi	-	-	-	≥ 250	-
31	Số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	≥ 20	≥ 60	≥ 150	≥ 300	≥ 300
32	Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	≥ 10	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150
33	Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	≥ 5	≥ 10	≥ 25	≥ 50	≥ 100
34	Số bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm	≥ 100	≥ 300	≥ 700	≥ 1200	≥ 1800
35	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	≥ 10%	≥ 25%	≥ 40%	≥ 60%	≥ 80%
36	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm	≥ 30	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250
V	Phát triển chuyển đổi số					
37	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0,70	≥ 0,75	≥ 0,85	≥ 0,92	≥ 1,0
38	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	≥ 70%	100%	-	-	-
39	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	-	-	-
40	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	≥ 70%	100%	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
41	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	≥ 70%	100%	-	-	-
42	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	≥ 90%	100%	100%	100%	100%
43	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%
44	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	0%	≥ 40%	≥ 70%	≥ 90%	≥ 90%
45	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	≥ 50%	≥ 80%	100%	100%	100%
46	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (nền tảng chia sẻ LGSP).	≥ 60%	≥ 85%	100%	100%	100%
47	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.	≥ 30%	≥ 60%	≥ 85%	≥ 95%	100%
48	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	≥ 50%	≥ 80%	≥ 95%	100%	100%
49	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	-	30%	50%	70%	80%
50	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	≥ 60%	≥ 90%	100%	100%	100%
51	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử. Quy mô kinh tế số chiếm tỉ trọng trong GRDP.	10% GRDP	30% GRDP	40% GRDP	45% GRDP	50% GRDP
52	Xây dựng trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh thực sự đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.	-	Có	Duy trì/ nâng cấp	Duy trì/ nâng cấp	Duy trì/ nâng cấp
53	Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh	-	-	-	-	Đáp ứng
54	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích	-	-	-	-	Đáp ứng

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
55	Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch	-	-	-	-	Đáp ứng
56	Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi	-	-	-	-	Đáp ứng
57	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	50%	55%	57%	60%	Đáp ứng
58	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	>70%	>95%	100%	100%	100%
59	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	>90%	>95%	100%	100%	100%
60	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	50%	80%	90%	100%	100%
61	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	50%	100%	100%	100%	100%
62	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	70%	100%	100%	100%	100%
63	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	100%	100%	100%	100%	100%
64	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	70%	90%	100%	100%	100%
65	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Nhóm dẫn đầu	Nhóm dẫn đầu	Nhóm dẫn đầu	Nhóm dẫn đầu	Nhóm dẫn đầu
66	Chỉ số phát triển con người (HDI)	-	> 0,7	> 0,8	> 0,9	> 0,9
67	Quản lý nhà nước từ tỉnh đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	90%	100%	100%	100%	100%
68	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	100%	100%	100%	100%	100%
69	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	90%	100%	100%	100%	100%

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
70	Tỷ lệ % các khu du lịch, điểm du lịch cấp quốc gia và cấp tỉnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và cung cấp dịch vụ	-	50	70	90	100
71	Xây dựng các đô thị thông minh trực thuộc tỉnh	-	01	02	05	05